

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH  
TẬP 176

THIÊN TÔNG  
VĨNH GIA TẬP

SỐ 2013

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC  
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN



SỐ 2013

## TỰA THIÊN TÔNG VĨNH GIA TẬP

Từng nghe! Cửa trí huệ mở toang mà diệu lý bật nguồn sắc tướng: đường giác ngộ lên cao nhưng dấu vết bật ngoài ngôn ngữ. Từ bi thay đức Thế tôn thị hiện, tùy thời cơ giáo hoá lợi sanh, mở bày kinh điển thâm diệu nơi ba thừa, tuyên dương giáo nghĩa chân thật cho tám bộ. Do đó, ngài phát huy yếu chỉ sâu sa mà treo mặt trời tịnh nơi đường mê. làm rạng rỡ đạo màu, nên gợn sóng thiền nơi biển đục. Từ khi kim quang bao phủ thân vàng, bạch hào tắt luồng ánh sáng, hẳn chỉ có Đại sư, một mình nêu cao tinh tú của Linh sơn, đơn độc gánh vác sự nghiệp làm thánh đó ư.

Đại sư họ Đới, người huyện Vĩnh Gia, bẩm tánh thông minh thiên phú, vừa xem đọc liền lãnh hội, chẳng nhọc sức suy nghĩ. Lúc nhỏ Ngài chú tâm vào tam tạng, lớn lên dốc chí nơi đại thừa, ba nghiệp đều siêng năng, chỉ hoằng truyền thiền quán. Nơi Ngài, cảnh trí đều vắng lặng, định huệ đã dung thông. Khiến cho, đường mê bụi lắng, biển thẳm sóng yên. Hơn nữa, hạt châu tâm hàm giống đạo, rạng Thất tịnh sáng soi nhau; vầng trăng giới thêm hoa bi, chiếu Tam không hiển bày rực rỡ. Lại còn phẩm hạnh thuần khiết như tùng xanh, “Tâm không” thanh tịnh như trăng sáng. Ngày ngày, Đại sư chỉ mặc vải thô, ăn rau quả, quên thân vì pháp; thương xót mọi loài, muôn vật nhờ đó mà được an; hằng thường xét nghĩ, niệm niệm tiếp nối không gián đoạn. Chí tiết trước sau vững bền như vàng đá, lòng dù nông sâu vẫn thanh khiết hơn hoa trời. Lại nữa, tâm thì vượt danh ngôn, lý lại hợp vũ trụ, hạ mình tôn người, thuận kẻ phạm hợp bậc thánh. Vì thế, không nhập diệt định mà vẫn giữ bốn oai nghi, tiếng tăm hiển hách đương thời, đạo đức lan cùng khắp chốn. Do đó hàng thực học vùng Tam ngô rầm rập tụ đến thêm Thiên,

bạc cao nhân ở tám phương ùn ùn kéo về hang Lý.

Nhớ xưa! Khi Tĩnh tôi còn làm một chức quan nhỏ, đã đích thân được Đại Sư chỉ dạy, nhưng hận mình chưa dốc lòng, bỗng đâu phải chuyển đến Kinh Kỳ, từ ấy đến nay, mịt mù xa cách. Vì thế, mãi cảm thương cho mắt mù đã lâu, nay bỗng mất kim châm vàng; biển đục nổi ba đào mà chợt chìm mái chèo trí. Lời Đại sư vẫn còn đó mà am thất đã vắng tanh. Ô hô! Xót thay! Quặng thất tim gan! Ôi! Con mắt của một phương đã tắt, bốn chúng biết nương tựa vào đâu? Giọng bạc Cao đứ chẳng còn vang, khiến mãi mãi càng thêm thương cảm.

Tất cả những lời giảng dạy và ghi chép của Đại sư lúc còn tại thế gồm có mười thiên, nay gom thành một quyển, ngõ hầu quy về một mối, người hiểu thì nên được ý quên lời. Nay tôi lược chép lại tác phẩm này, hẳn có nhiều sai sót, mong các bậc minh triết chấn chỉnh cho.

### **BẢN KINH ĐƯỢC CHIA THÀNH MƯỜI MÔN**

Chương thứ nhất: Chí mộ đạo.

Phàm muốn tu đạo, trước tiên ta cần phải lập chí và hiểu rõ phép tắc thờ thầy, để nguyên tắc được rõ ràng, môn này được nêu đầu tiên.

Chương thứ hai: Răn tâm hoang phí, tâm cống cao.

Dù trước đã lập chí tu, hiểu rõ phép tắc. Nếu như 3 nghiệp kiêu xa khởi, tâm bị vọng động, thì làm sao đạt được định. Nên môn tâm Kiêu Xa thứ hai được nêu kế tiếp.

Chương thứ ba: Tịnh tu 3 nghiệp.

Răn tâm ở môn thứ hai đã nêu, phần này chỉ nêu sơ lược giềng mối ý chính. Nay cần phải kiểm soát kỹ khiến cho lời thô ác không sanh. Môn Tịnh tu 3 nghiệp này được nêu kế tiếp để ngăn ngừa thân khẩu ý. (588)

Chương thứ tư: Bài tụng Xa Ma Tha.

Phần trước kiểm soát thân khẩu ý khiến tội lỗi không sanh. Vì vậy nhập vào môn này thứ tự tu tập, không ra ngoài định huệ, năm thứ khởi ra trong tâm và sáu điều cần nhắc. Cho nên được nêu trong môn Xa Ma Tha trong bài thứ tư.

Chương thứ năm: Bài Tụng Tỳ Bà xá Na.

Không có giới thì không định, không định thì không phát sanh trí huệ. Phần trên đã tu định, định càng sâu thì huệ càng sáng tỏ, môn này nêu trong bài tụng Tỳ Xá Na thứ 5.

Chương thứ sáu: Bài Tụng Ưu Tất Xoa.

Chuyên tâm tu định, thì đắm nơi định. Chuyên tu huệ, huệ nhiều

thì khiến tâm dao động. Định huệ song tu, chìm đắm mà không động tâm, giả sử định huệ quân bình, thì lia trần và động.

Chương thứ bảy: Thứ lớp tu tập Tam Thừa.

Định huệ được đều hòa, tịch tĩnh mà thường chiếu, ba phép quán đầy đủ trong một tâm, thì nghi nào không. Sự chiếu soi nào không tròn khắp, sự hiểu biết mình đã được sáng tỏ, nhưng thương người khác chưa được ngộ, vì ngộ có cạn có sâu, môn này được nêu trong bài Tam thừa thứ 7.

Chương thứ tám: Lý và sự không có hai.

Ngộ được lý Tam Thừa. Nghĩa lý vô cùng, lý thì không thể không liễu ngộ ngay nơi sự, hiểu rõ sự tức là lý. Môn thứ tám nói rõ lý sự không có hai. Ngay nơi sự là Chơn thể, dùng để trừ được cái thấy biết điên đảo.

Chương thứ chín: Lá thư khuyên bạn

Lý sự đã dung thông, trong tâm được sáng tỏ. Lại thương người bạn ở xa, luống uổng tháng ngày. Vì vậy, kế tiếp là bài khuyên bạn thứ 9.

Chương thứ mười : Văn phát nguyện

Khuyên bạn dù có lòng từ bi, để chỉ một lòng nơi người bạn. Tâm chưa thể ban khắp, nên văn phát nguyện bài thứ 10 là thệ nguyện độ tất cả.

### **CHƯƠNG THỨ NHẤT: CHỈ CẦU MỘ ĐẠO**

Trước tiên quán sát ba cõi, để sanh tâm xa lìa nhàm chán, kế đến quyến thuộc và thân tình bạn hữu, để mong cầu ra khỏi ba cõi, sớm chiều thăm hỏi để giữ gìn lễ nghĩa phép tắc. Thứ ba xét thử thầy thích hợp những gì, để hầu hạ phụng dưỡng. Thứ tư hỏi thầy cần làm những gì, để biết gần gũi việc mình cần nên làm. Thứ năm hầu hạ thầy không biếng trễ, để sanh tâm khấn khiết đối với đạo. Thứ sáu luôn luôn quyết đoán tâm nơi thầy, để tu tập. Thứ bảy theo kiến giải trình lên thầy để phân biệt biết được chính tà, suy xét kĩ khí lực tu, và căn cơ tu tập của mình, có thuần thực chưa, xét mình có bệnh, sanh nghi, tùy bệnh đưa thuốc tốt. Phải xét kỹ chính xác để tìm cầu cái chân thật, ngày đêm tinh cần, sợ duyên lành mất đi, mà chuyên tâm nơi một hạnh. Lòng tha thiết đến sự nghiệp tu hành, vì phật pháp quên, để báo ân vậy. Nếu lòng tin còn nhẹ, cạn mỏng, tâm ý không chuyên nhất, phẩm hạnh còn thô thiển cạn cợt, mà trôi theo cảnh, thuận theo dòng, vì thế gặp việc sanh tâm. Nhân tâm mà bật ý, nhận không mà bật lời, đã không bình đẳng

quán xét động tĩnh, thuận theo việc có không được mất. Đường bước lên đạo không thể không có giai vị, chỉ thuận theo công sức tu hành lần lần bước lên.

### **CHƯƠNG THỨ HAI: GIỚI KIÊU XA**

Nguồn gốc việc ăn mặc, do nuôi dưỡng trồng trọt, đào đất khai hoang, ươm tằm nấu kén, những công việc sinh kế thuần thực, làm tổn thương đến thân mạng. Xót thay! Thật đáng thương, bao gồm dùng cả sức nông phu, tích chứa sức lực lâu dài, như vậy, đâu chỉ riêng làm chết hàm linh, đến nhân mạng, thì tín thí cũng khó tiêu. Tuy được sống trong hàng xuất gia, thì đâu có đạo đức gì. Vì vậy muốn vượt ra khỏi tam giới, nhưng chưa có hạnh xuất trần; hướng làm thân nam tử, nhưng lại không có chí; chỉ vì ngày ngày rong ruổi vui chơi, đêm đêm tâm trí tối tăm mù mịt; đạo đức không tu, chỉ uống phí cơm áo, trên trái với đạo đức, dưới không làm lợi sanh; trong thì phụ tử ân, thật lấy làm xấu hổ. Cho nên người trí cần phải suy nghĩ: “Thân này chết vì đạo pháp, còn hơn sống không có đạo pháp”. Tâm trí ngu si mờ mịt chỉ biết quý trọng thân mà xem thường giáo pháp.

### **CHƯƠNG THỨ BA: TỊNH TU TAM NGHIỆP**

Ý nghiệp là tham, sân si, tà kiến.

- Khẩu nghiệp là vọng ngôn, ý ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu
- Thân nghiệp là sát, đạo, dâm.

Phàm muốn tu giáo pháp, trước tiên là phải tu ba nghiệp cho thanh tịnh, sau đó là trong sinh hoạt hằng ngày, dần dần mới có thể nhập vào đạo, cho đến khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần, tùy duyên mà liễu đạt. Cảnh và trí thanh tịnh thì mới thấu suốt được diệu chỉ. Thế tại sao? Tu ba nghiệp thanh tịnh, phải lắng tâm, trong bốn oai nghi như đi, đứng, nằm, ngồi ấy, thức liễm ba nghiệp, không cho nó sai sót, phải nuôi dưỡng lòng từ bi, không làm tổn thương sinh mạng của muôn loài, hết thủy đều có linh thức, trên bờ hay dưới nước, dù lớn hay nhỏ, đều phải có lòng thương yêu, hộ mạng nó. Các côn trùng bò hay bay, ta cũng không được giết hại. Khi gặp nạn nước trôi, phải ân cần giúp đỡ, dùng phương tiện cứu giúp để được giải thoát.

Đối với tiền tài hay vật chất của người khác, người ta không cho thì không được lấy, cho đến vật của quý thân. Hễ vật đều có chủ, một cây kim, một cọng cỏ trọn cũng không được phạm. Người nghèo khổ đến xin, tùy theo mình có vật gì, phải có lòng tôn trọng tha thiết bố thí,

giúp họ được an ổn, thi ân mà không cầu báo. Lại suy nghĩ, chư Phật trong đời quá khứ, trải qua vô lượng kiếp, tu hạnh Ba-la-mật, như bố thí voi, ngựa, bảy báu, đầu, mắt, óc, tủy, cho đến cả thân mạng, xả bỏ tất cả không thương tiếc. Chúng ta ngày nay cũng như thế, tùy theo sự bố thí, tâm hoan hỷ cúng dường, tâm không luyến tiếc.

Đối với nữ sắc, tâm cũng không bị đắm nhiễm. Hạng phàm phu điên đảo, bị lòng ái dục làm say, cho nên đam mê cuồng loạn, không biết tội lỗi. Như người hái nhánh hoa mà không biết có rắn độc. Còn người có trí thì quán sát điều đó, như miệng rắn độc, móng vuốt của gấu báo, sắt nóng, không thể nào đem dụ việc đó được. Cột đồng cháy ruột, giường sắt đốt lưng, cháy thân người, đau đớn cả tim gan, xương tủy, quan sát như thế thì chỉ thấy khổ, không vui.

Túi da chứa đầy phân lẫn máu mủ. Bên ngoài mượn mùi hương thơm thoa ướp, nhưng bên trong lại đầy mùi tanh hôi, bất tịnh chảy tràn, trùng giòi đều ở đó, chột cá, cầu xí, cũng không bằng. Người trí quán sát thân người, chỉ là thấy tóc, lông, móng, răng, da dày, da non, thịt, máu, mồ hôi, lệ, nước mũi, mủ, bắp thịt, gân máu, màng óc, đờm vàng đờm trắng, gan mật, cốt tủy, phổi, lá lách, thận, dạ dày, tim, mỡ, bàng quang, ruột già ruột non, sanh tạng, thực tạng, phân, nước tiểu, nơi chứa chỗ hôi thúi. Phân ra mỗi thứ như thế, tất cả đều không phải là người, do dao động ý thức mà vọng sanh ra ngôn ngữ, trá làm bạn thân, kỳ thật là oan gia tật đố, làm bại đức ngăn đạo, vì lỗi quá nặng nên phải xa lìa như tránh giặc oán.

Thế nên người trí phải quán sát điều đó, tưởng như rắn độc. Thà gần gũi rắn độc, chứ không gần nữ sắc. Vì sao? Vì rắn độc chỉ giết một mạng người mà thôi, một là còn sống, hai là chết. Còn nữ sắc ràng buộc trăm ngàn vạn kiếp, các thứ khổ độc hại vô cùng. Phải nên quán sát kỹ, suy nghĩ cho thật sâu, những điều khó nên gần gũi.

Vì vậy người trí phải tha thiết kiểm soát nghiệp ba thân, sửa đổi việc lỗi lầm đã qua, tu điều sắp tới, quay lưng với điều ác, mà làm theo việc thiện. Không sát sanh, không trộm cắp, mà còn phóng sanh, bố thí, không những không làm việc dâm dục, mà còn thường tu phạm hạnh, ngày đêm chuyên cần, tu hành lễ bái, quy y tam bảo, dốc chí cầu nơi giải thoát.

Đối với thân mạng và tài, biết thân như huyễn, không có tự tánh. Sắc tức là không, thì cái gì là ngã. Tất cả các pháp chỉ là giả danh, hoàn toàn không có thật, như thân ta, bốn đại năm ấm, mỗi mỗi chẳng có ngã, hoà hợp cũng không phải là ngã, tìm ở bên ngoài thân, thân như bong

bóng nổi trên mặt nước, như cây chuối, như huyễn, như hóa. Cảnh vật như trắng với nước, rớt ráo không bóng người, vì vô minh nên không biết, vọng chấp cho đó là ngã, bên trong đã không thật, lại sanh tham đắm, sát sanh, trộm cắp, dâm dục, hoang loạn. Suốt ngày đêm, chỉ lo tạo nghiệp, tuy không thật, nhưng thiện ác báo ứng như bóng theo hình. Khi quán như thế thì không làm ác, để nuôi dưỡng thân mạng. Quán thân tưởng như rắn độc, vì trị bệnh nên nhận bốn phẩm vật cúng dường. Thân mặc y phục như bọc ghẻ nhọt. Miệng ăn những thức ăn ngon, như bị bệnh phải uống thuốc, biết điều tiết thân, miệng không tham, không xa xỉ, đến pháp thiếu dục mà vui trong sự tu hành.

**Kinh nói:** “Hạnh đầu đà là tu pháp thiếu dục, nên biết dừng đủ. Người này có thể vào đạo của bậc Thánh hiền”.

Vì sao? Chúng sanh sống trong cõi ác, trải qua vô lượng kiếp, thiếu thốn cơm ăn áo mặc, nên kêu gào đói lạnh rất thảm thiết, thân như da bọc xương. Nay tạm thời thiếu thốn, chưa được đầy đủ, chưa đáng cho là khổ. Thế nên người trí, quý giáo pháp, mà xem nhẹ thân, để cầu đạo, không đoái hoài đến thân mạng. Đây gọi là Tịnh tu ba nghiệp.

Suy nghĩ cho thật sâu xa bốn lỗi của miệng, vì là nguồn gốc của sanh tử, tăng trưởng các tội ác, mất đi muôn hạnh, việc khen chê, phải quấy của thế gian. Thế nên người trí, muốn ra khỏi cõi nguồn sinh tử, phải đoạn trừ hư vọng, nên tu bốn thật ngữ là chính trực, nhu nhuyễn, hòa hợp và chân thật. Tứ chánh ngữ đây là việc làm của người trí, phải như thế nào?

Vì sao? Người có lời nói ngay thẳng có thể đoạn trừ lời nói thêu dệt. Lời nói nhu hòa có thể trừ lời nói ác. Lời nói hòa hợp có thể trừ được lời nói hai chiều. Lời nói như thật ngữ có thể trừ được lời nói dối.

Lời ngay thẳng có hai:

1. Lời nói đúng pháp khiến mọi người nghe có lòng tin hiểu rõ ràng.
2. Khi nói nghĩa lý khiến mọi người nghe trừ hết lòng nghi hoặc.

Lời nói dịu dàng cũng có hai:

1. Người có lời nói an ủi khuyên giải, khiến người nghe hoan hỷ thích gần gũi.
2. Tiếng cung thương thanh nhã, khiến người nghe đều yêu thích học tập.

Lời nói hòa hợp có hai:

1. Sự việc cần phải có sự hòa hợp, nên khi thấy người tranh đấu, nên khuyên bảo, khiến họ xả bỏ, không tự khen ngợi, hạ thấp mình mà

tôn trọng người.

2. Người hoà hợp về lý, nên khi thấy người thoái tâm Bồ-đề, thì ân cần khuyên giải phải chuyên cần tinh tấn. Lại phân biệt Bồ-đề hay phiền não, là một tướng bình đẳng.

Lời nói đúng như thật có hai:

1. Sự việc thật, như có thì nói có, không thì nói không, đúng thì nói đúng, quấy thì nói quấy.

2. Lý thật, nghĩa là chúng sanh đều có Phật tánh. Niết Bàn Như Lai thường trụ không thay đổi.

Cho nên người trí hành được bốn thật ngữ này và quán các chúng sanh kia trải qua nhiều kiếp xa xưa đến nay, vì bốn lỗi này làm cho điên đảo trầm luân trong sanh tử khó ra khỏi. Vì vậy chúng ta nay muốn nhổ nguồn gốc đó, nên quán sát khẩu nghiệp được phát ra từ miệng, răng, lưỡi, yết hầu, rốn là do gió thức dao động, nên âm thanh phát ra tiếng nói. Do tâm làm nhân duyên, nên lời nói đối thật khác nhau, điều thật có lợi ích, còn hư vọng chỉ hao tổn thân mạng. Thật thì khởi ra thiện căn, hư thì sanh ra các điều ác”. Vì vậy, căn bản thiện ác, do nơi miệng nói thiện. Miệng nói toàn lời chân thiện, gồm có tứ chánh. Miệng nói lời ác gồm có tứ tà. Tà dẫn đến đau khổ, thiện trở về an vui. Thiện giúp duyên cho đạo, ác chỉ làm bại đạo. Cho nên người trí điều quan trọng là tâm phải nói lời chân thật, nói ra cho đúng, tụng kinh và niệm Phật, quán sát thật tướng của lời nói, vì lời nói không tồn tại, nói năng im lặng đều bình đẳng. Thế nên gọi là “Tịnh tu nghiệp khẩu thanh tịnh”.

Sao gọi tu ý nghiệp thanh tịnh?

Do niệm tà làm nhân duyên hay sanh ra muôn điều ác. Nhờ chánh quán làm nhân duyên hay khởi lên vạn điều thiện.

**Kinh nói:** “Trong ba cõi không có pháp riêng, chỉ do tâm tạo ra, nên biết tâm là nguồn gốc của vạn pháp.

Thế nào là tà niệm? Vô minh chẳng rõ, lại còn chấp lầm lấy nó làm ngã. Ngã kiến kiên cố, tham đắm, sân hận, tà kiến, chấp càn ngoại cảnh, nên sanh ra các nhiễm đắm”.

**Kinh nói:** “Vì có ngã nên có ngã sở, nhân có ngã sở sinh ra 62 tà kiến, 62 kiến chấp đoạn thường, 98 Kiến chấp. Kiến hoặc và Tư hoặc nối tiếp nhau, có 98 Kiết sử, sinh tử trong ba cõi luân hồi không dứt. Tà niệm là căn bản các điều ác. Thế nên người trí chế ngự không được theo.

Thế nào là người và ta không có khác nhau, sắc và tâm cũng không có khác. Tính Bồ-đề và Phiền não cũng không khác, nên Sinh tử

và Niết bàn bình đẳng nhất như.

**Kinh nói:** “Lìa ngã và ngã sở, quán tướng bình đẳng thì thấy ta và Niết bàn cả hai thấy đều không. Nên biết các pháp chỉ là danh tự mà thôi”.

**Kinh nói:** “Cho dù là Niết bàn chỉ có tên gọi mà thôi”. Lại nói:

- “tánh vắng tự vốn không, nên danh tự cũng không có. Vì sao vậy? Các pháp tự nó không có tên gọi, chỉ mượn tên gọi để giải thích các pháp, các pháp đã chẳng phải pháp, nên danh tự cũng chẳng phải danh tự. Danh tự chẳng hợp với pháp, các pháp đều chẳng hợp với danh tự, nên tên gọi không có, vì tất cả thấy đều không tịch vậy”.

**Kinh nói:** “Các pháp đã không có danh tự, ngôn ngữ thấy đều dứt hết, vì thế tướng vi diệu tuyệt nhiên không có tên gọi, danh tự của chân như cũng không có danh tự, vì sao vậy? Vô vi tịch diệt, cùng tột vi diệu thì không còn tướng, tuyệt cả danh tự, tâm và ngôn tự thấy đều dứt. Phải biết đó là điểm quan yếu của sự về nguồn chánh quán. Vì thế người trí dùng chánh quán làm nhân duyên để tỉnh hoặc trên thế gian thấy đều dứt, cảnh và trí cả hai thấy đều quên, nguồn tâm được thanh tịnh, nên gọi tu nghiệp thanh tịnh”.

Bốn điều luận bàn ở trên, nêu trong bốn Oai nghi, đồng thời lục căn đối cảnh tùy duyên liễu đạt, chính là tu tập theo thứ bậc mà vào đạo là như thế.

## CHƯƠNG THỨ TƯ: BÀI TỤNG XA MA THA

*Khéo léo lúc dụng tâm*

*Khéo léo không tâm dụng*

*Không tâm khéo léo dụng*

*Thường dụng khéo léo không.*

Niệm chẳng bật thì trần chẳng dứt, trần chẳng dứt thì niệm chẳng bật. Trần quên là do dứt niệm, niệm dứt là do quên trần mà dứt. Do dứt trần mà bật niệm, nên dứt mà không có chủ thể dứt; do bật niệm mà dứt trần, nên dứt mà không có đối tượng để dứt. Dứt mà không có đối tượng để dứt thì trần tiêu, chẳng còn đối cảnh; dứt mà không có chủ thể dứt thì niệm diệt, chẳng còn chủ thể hay biết. Biết đã diệt, đối cảnh cũng không, thì hiển bày diệu tánh tự nhiên, hoàn toàn vắng lặng, rỗng rang không nương gá. Như lửa gặp khoảng không thì lửa tự tắt. Khoảng không dụ cho diệu tánh chẳng phải tướng, lửa tắt dụ cho vọng niệm không sanh. Có lời ghi:

*Quên duyên rồi thì lặng lặng.*

*Tánh linh tri hiện rõ ràng.  
 Vô ký tối tăm tỏ rõ.  
 Hợp chơn vốn không rành rành.  
 Tĩnh tĩnh mà lặng lặng thì phải  
 Lặng lặng mà vô ký thì sai.  
 Lặng lặng mà tĩnh tĩnh thì phải.  
 Tĩnh tĩnh mà loạn tưởng thì sai.*

Nếu dùng cái biết để biết cảnh giới lặng lặng, thì biết đó chẳng phải cái biết không duyên. Như tay cầm hạt châu như ý thì chẳng phải trên tay không có cây như ý. Nếu cái tự biết để biết được cảnh giới lặng lặng, thì cũng chẳng phải cái không duyên. Như bàn tay nắm lại chẳng phải là không có nắm tay. Như vậy, cũng chẳng phải dùng cái biết để biết lặng, cũng chẳng tự biết cái biết, thì không thể nói là không biết, vì tự tánh hiển nhiên như thế, nên nói chẳng đồng với gỗ đá. Như tay chẳng cầm châu như ý, cũng chẳng tự nắm lại thành cái nắm tay, nhưng cũng thể nói không có tay, vì rõ ràng có tay nên chẳng đồng với lông rùa, sừng thỏ.

Thứ tự tu tâm: Hễ dùng cái biết để biết vật thì vật và cái biết cùng tồn tại. Nếu dùng cái biết để biết cái biết, đã biết cái biết thì lìa được vật, vật tuy lìa được, nhưng cái biết hãy còn. Khởi cái biết để biết cái biết, lúc cái biết sau vừa sanh thì cái biết trước diệt. Hai cái biết không đồng thời tồn tại, chỉ vì cái biết trước diệt, ngay nơi chỗ diệt lại là cảnh được biết, nên năng sở đều chẳng chân thật. Cái biết trước diệt để dẫn sanh cái biết sau, cái biết sau sanh lại tiếp tục diệt. Đó chính là đạo lý luân hồi.

Nay nói đến biết thì không cần biết cái biết (năng tri), chỉ cần biết mà thôi. Biết trước nó không diệt, biết sau không dẫn khởi cái trên, niệm trước sau tiếp nối sinh diệt, giữa tự cô lập. Đương Thể không thấy chỗ nương gá, tức thời tiêu diệt. Biết Thể đã diệt, hoá nhiên như nắm bắt hư không, phút chốc vắng lặng, chỉ có giác vô sở đắc, tức là giác mà không giác, Giác mà không Giác, khác gì gỗ, đá. Đây là chỗ bắt đầu dụng tâm cần phải dứt bật tư lự, đồng như người chết, năng sở liền quyên, hết sạch thức duyên, tịch tĩnh vắng không. Vắng lặng tự như không biết mà biết, tính của cái không biết mà biết, khác với gỗ đá. Đây là cảnh giới sơ tâm, rất khó thể lãnh hội. Khi mới nhập sơ tâm, không nên có ba việc.

1. Ác: Nghĩa là suy nghĩ về nhân duyên ngũ dục ở thế gian.
2. Thiện: Nghĩa là suy nghĩ các việc thiện của thế gian

3. Vô ký: Nghĩa là không suy nghĩ việc thiện ác, không trụ vào chỗ u mê

Trong giới cũng cần phải đầy đủ ba pháp:

1- Nhiếp luật nghi giới: Nghĩa là đoạn trừ tất cả các việc ác.

2- Nhiếp thiện pháp giới: Nghĩa là tất cả các việc thiện.

3- Nhiêu ích hữu tình giới: Nghĩa là thệ nguyện độ hết thủy chúng sanh.

Trong Định cũng cần phải có ba việc cần biết:

1- An trụ định: Nghĩa là diệu tánh tự nhiên vốn không dao động.

2- Dẫn khởi định: Nghĩa là lắng tâm tịch tĩnh, dứt vọng, trí tuệ phát sáng.

3- Biện sự định: Nghĩa là khi định đã được lắng trong, soi tỏ muôn tượng.

Trong Huệ phải đầy đủ ba thứ phân biệt:

1- Nhân không huệ: Biết ngũ ấm không phải ngã, tức trong ngũ ấm cũng không có ngã như lông rùa sừng thỏ.

2- Pháp không huệ: Biết rõ ngũ ấm bằng các pháp duyên giả không thật, như cảnh tượng trăng trong nước.

3- Không không huệ: Biết rõ được cảnh và trí thấy đều không, không này cũng là không.

Kiến cũng phải đầy đủ ba thứ:

1- Không kiến: Thấy không nhưng cái thấy không phải là không.

2- Bất không kiến: Thấy có nhưng cái thấy chẳng phải không.

3- Tánh không kiến: Thấy tự tánh mà cái thấy chẳng phải tánh.

Trong Thiên cũng có ba điều phải chọn:

1- Có pháp thân không có Bát-nhã và giải thoát.

2- Có Bát-nhã không có giải thoát và Pháp thân

3- Có giải thoát, không Pháp thân và Bát-nhã.

Có một thiếu hai, nên không tròn đầy, không tròn đầy nên chẳng phải tánh.

Lại có ba điều cần phải chọn:

1- Có Pháp thân và Bát-nhã, không có giải thoát.

2- Có Bát-nhã và giải thoát, không có Pháp thân.

3- Có giải thoát và Pháp thân, không có Bát-nhã.

Có hai thiếu một nên không tròn đầy, không tròn đầy nên không phải tánh.

Trong Viên này cũng có ba điều cần phải xem:

1- Pháp thân không si tức Bát-nhã. Bát-nhã không chấp tức giải

thoát. Giải thoát tịch diệt tức pháp thân.

2- Bát-nhã không chấp tức giải thoát: Giải thoát tịch diệt tức pháp thân, pháp thân không si tức Bát-nhã.

3- Giải thoát tịch diệt tức pháp thân: Pháp thân bất si tức Bát-nhã. Bát-nhã không chấp tức giải thoát.

Nêu lên một tức đủ cả ba: Nói ba Thể tức là một. Ba đức trong nhân đây không phải ba đức trên quả, muốn biết ba đức trên quả: Pháp thân có đoạn đức, nhờ dứt hoặc để bày đức, nên gọi là đoạn đức. Tự thọ dụng thân có trí đức, vì đầy đủ công đức chân thật của bốn trí. Tha thọ dụng thân và Hóa thân có đại ân đức vì tha thọ dụng thân ban ân đức cho hàng Thập địa Bồ tát, vì ba thứ hoá thân đối với hàng Bồ tát, Nhi thừa và loài dị sanh có ân đức.

Ba Đế bốn trí, ngoại trừ Thành sở tác trí duyên Tục đế. Nhưng pháp không có sâu cạn, nhưng chiếu soi thì có sáng có tối. Tâm không có dơ sạch, nhưng vì hiển bày nên có mê có ngộ. Kể sơ tâm mê đâu chẳng phải cạn, cuối cùng khế hợp lý mới biết đâu chẳng phải sâu. Mê tâm mất lý tự nó sai lầm, tâm ngộ thì hết sai mà tức lý. Mê và ngộ đồng lý ấy, nên có tên gọi Tiệm thứ.

Lại nữa người mới nhập sơ tâm, sau khi vào cửa phải biết 5 niệm:

- 1- Khởi niệm
- 2- Xuyên suốt học tập
- 3- Tiếp nối
- 4- Biệt sanh
- 5- Tức tịnh.

*Khởi niệm:* Nghĩa là khởi tâm tư duy về ngũ dục ở thế gian và mọi việc.

*Xuyên suốt học tập:* Nghĩa là khi vô tâm là thường nghĩ nhớ và suy tư về các việc thiện ác.

*Tâm niệm luôn tiếp nối:* Nghĩa là khi học tập bỗng nhiên tâm trí muốn dong ruổi tán loạn, không chế ngự được mình, nên tiếp tục như trước, tư duy không được định.

*Niệm biệt sanh:* Nghĩa là phần niệm trước bị tán loạn, nên sanh ra hổ thẹn muốn sửa đổi.

*Niệm thanh tịnh:* Nghĩa là lúc đầu ngồi không phát sinh việc thiện ác thế gian, không ghi nhớ các việc, tức là mọi việc thành công trong đời. Cho nên là ngay nơi ấy liền được tịch tĩnh.

Người sơ tâm phần nhiều có một niệm biệt sanh. Người giải đãi

có hai niệm tiếp tục và cố khởi. Người hay hổ thẹn phần nhiều có một niệm biệt sanh. Người tinh tấn thường có một niệm tức tịnh. Bốn niệm quán tập, tiếp tục, cố khởi và biệt sanh là bệnh. Một niệm tức tịnh là thuốc. Tuy thuốc và bệnh có khác nhau nhưng đều gọi chung là niệm. Lúc năm niệm này ngừng dứt gọi là nhất niệm tương ứng. Nhất niệm nghĩa là tự tánh linh tri, nhưng năm niệm này là một trong năm niệm. Nhất niệm là căn bản của năm niệm ấy.

Lại nữa, nếu như lúc nhất niệm tương ứng cho nên phải biết sáu điều sau đây cần cần nhắc:

- Một là biết bệnh.
- Hai là biết thuốc.
- Ba là biết cách đối trị.
- Bốn là biết phát sinh ra lỗi.
- Năm là biết thị phi.
- Thứ sáu việc chánh trợ.

1 - *Bệnh có hai thứ*: Một là duyên lự. Hai là vô ký.

Duyên lự nghĩa là có hai niệm thiện và niệm ác, tuy khác nhau, nhưng đều không được giải thoát, nên gom chung lại là duyên lự.

Vô ký nghĩa là không có duyên theo việc thiện ác, nhưng cả hai đều không phải là chơn tâm, chỉ là hôn trầm, hai thứ này đều gọi là bệnh.

2- *Thuốc cũng có hai thứ*: Một là tịch tịnh. Hai là tĩnh tĩnh.

- Tịch tịch: Nghĩa là không có nghĩ đến việc thiện ác cảnh bên ngoài.

- Tĩnh tĩnh: Nghĩa là không sanh các tướng hôn trầm vô ký. Hai thứ này đều gọi là thuốc.

3- *Đối trị*: Nghĩa là dùng tịch tịch để đối trị duyên lự. Dùng tĩnh tĩnh để đối trị hôn trầm. Dùng hai thuốc này để đối trị hai cái bệnh kia. Cho nên gọi là Đối trị.

4- *Quá sinh*: Nghĩa là tịch tịch lâu sinh ra hôn trầm, còn tĩnh tĩnh lâu sinh ra duyên lự, vì thuốc phát sinh ra bệnh, nên gọi là lỗi sinh.

5- *Biết thị phi*: Nghĩa là tịch tịch không tĩnh tĩnh, đây là hôn trầm, còn tĩnh tĩnh không tịch tịch, đây duyên theo lự. Không tĩnh tĩnh, không tịch tịch, ở đây không chỉ duyên lự, mà còn hôn trầm, vừa tịch tịch, vừa tĩnh tĩnh, chẳng những sáng suốt mà còn yên lặng, đây trở về cội nguồn diệu tính vậy. Bốn câu đây, có ba câu trước là sai, câu sau đúng, cho nên nói biết thị phi.

6 - *Chánh trợ*: Lấy tĩnh tĩnh là chính. Tịch tịch là trợ. Hai hạnh

này, thể không lia nhau, như người bệnh phải cầm gậy mà đi, việc đi là chính, còn gậy là trợ giúp. Người bệnh muốn đi trước hết nắm gậy, sau đó mới đi. Người tu tâm cũng như thế, trước tiên phải dứt hết tâm phan duyên để cho tâm tịch tịch, (không nghĩ đến việc thiện ác của ngoại cảnh) kế là phải tĩnh tĩnh (không sanh các tướng hôn trầm, vô ký), không đưa đến hôn trầm, khiến cho tâm sáng tỏ vừa lạng lạng. Sáng tỏ, lạng lạng, tuy có hai tên gọi nhưng cùng một bản thể [390c], lại không đồng thời. Ví như người bệnh muốn đi, thiếu gậy thì không đi được, lúc đi phải mượn gậy mới có thể đi được. Người công phu tu tập cũng như thế. Sáng tỏ, lạng lạng cả hai phải cùng lúc, lại có hai tên gọi, nhưng Thể nó không khác. Lại nói loạn tưởng là bệnh, còn vô ký cũng là bệnh. Tịch tịch là thuốc, tịch tịch phá loạn tưởng, tĩnh tĩnh, nhưng lĩnh giác thì trị bệnh vô ký, rồi sanh loạn tưởng, tuy tịch tịch có thể trị loạn tưởng, nhưng rồi trở lại sinh vô ký. Tĩnh tĩnh có thể trị bệnh vô ký, nên nói tĩnh tĩnh, tịch tịch là vô ký. Tịch tịch không phải tịch tịch, thì tĩnh tĩnh đúng, loạn tưởng tĩnh tĩnh là sai, tịch tịch là trợ giúp, tĩnh tĩnh là chính, xét kỹ những điều ấy, sau đó liệu giản (sáu thứ liệu giản: thức bệnh, thức được, thức đối trị, thức quá sanh, thức thị phi, thức chánh trợ) phải biết rõ năm ấm trong một niệm, nghĩa là phải phân biệt rõ ràng, biết rõ tâm tương ứng, tức là thức ấm, lãnh nạp trong tâm tức là thọ ấm. Tâm duyên theo lý tức là tướng ấm, thực hành theo lý này tức là hành ấm. Chân tính ô nhiễm tức là sắc ấm. Năm ấm này chỉ nêu lên tâm thể năm ấm ấy, tức là một niệm. Một niệm đây thể thì toàn thể là ngũ ấm, thấy rõ ràng trong một niệm này, không có chủ thể tức là Nhân không huệ, thấy huyền hóa tức là Pháp không huệ. Thế nên phải biết năm ấm và sáu thứ phân biệt chọn lựa, xin đừng nghi ngờ nó, như muốn lấy vàng thật, chỉ cần chọn lựa riêng đá sỏi và vàng giả, dầu không biết là vàng thật, nhưng bản chất tự nó thể hiện ra, lo gì mà không được.

### **CHƯƠNG THỨ NĂM: BÀI TỤNG TỶ BÀ XÁ NA**

Cảnh vật không có trí làm sao hiểu rõ, trí không do cảnh thì trí cũng không sanh. Trí sanh ra mới biết cảnh, là sinh. Còn biết cảnh là do trí mới sanh mà biết. Trí sinh mà biết, thì biết không có cái để biết, biết cảnh mà sinh, nên sinh không thể không sinh, tuy có trí mà chẳng phải có, biết mà không có bị biết, tuy cảnh mà chẳng phải không. Không tức không, có tức chẳng có, có và không, cả hai so ra, có sự diệu ngộ hiển nhiên, như lửa gặp củi càng tăng thêm sức cháy mạnh, củi dụ cho nhiều cảnh thì phát sinh trí. Lửa dụ cho diệu trí biết cảnh. Lại nói:

*Đạt “Tính không” thì không bị trói buộc.  
Tuy mượn cái giả nhưng không chấp vào.  
Cảnh có và không cả hai cùng chiếu soi.  
Tâm trung quán theo thứ bậc dừng lại.*

Nếu như trí biết cảnh tức là “Cảnh không”. Trí biết cảnh không, như mắt thấy hoa không, là mắt biết hoa không. Nếu trí biết được trí, tức là trí biết trí không, như mắt thấy con mắt không là biết mắt không. Trí biết cảnh không và biết trí không, nhưng chẳng phải không trí [391a] biết cảnh, cảnh không trí, vẫn có. Trí biết cảnh không và trí không, nên không có cảnh nào trí không biết rõ, như mắt thấy hoa là không và cho cái thấy không này thấy rõ được hoa, hoa thấy là không giống như có. Mắt biết hoa không và mắt không, nên có hoa nào mà mắt chẳng biết.

Tất cả các pháp đều do nhân duyên, đều do vay mượn. Nhân duyên sanh ra nên đều không có tự tánh. Một pháp đã vậy, muôn pháp cũng như vậy. Cảnh và trí đi theo nhau, làm sao được tịch tĩnh. Vì sao? Vì pháp nhân duyên tánh không sai biệt. Ngay trong tam giới luân hồi, trong sáu nẻo lên xuống, cõi tịnh hay uế, khổ hay vui, phàm và thánh thảy đều khác nhau đều do ba nghiệp, lục căn đối cảnh. Do tình tạo nghiệp, quả báo không đồng, thiện thì quả báo an vui, ác thì nghiệp báo đau khổ.

**Kinh nói:** “Thiện ác là nhân, khổ vui là quả, phải biết các pháp không có tướng nhất định, tùy duyên tập hợp cấu thành, duyên không do ngã, nên gọi là tánh không, vì không nên chẳng phải khác, do đó muôn pháp cũng đều như vậy”.

**Kinh nói:** “Sắc tức là không, bốn ấm cũng đều như thế, như vậy không riêng gì loài phàm tục có duyên sanh mà hàng tam thừa thánh quả, cũng đều do nhân duyên mà có”.

**Kinh nói:** “Chủng tử Phật do nhân duyên khởi, do nhiều cơ hội tụ lại mới thành được, do vậy muốn đạt được đâu chẳng phải đạo tràng, nhưng hình sắc thì không giới hạn, khi ngộ rồi đâu chẳng phải gì là Bát-nhã”.

**Kinh nói:** “Sắc không có giới hạn, nên biết Bát-nhã cũng không có giới hạn. Vì sao vậy? Vì cảnh không có trí thì không biết, trí mà không cảnh thì trí không sanh. Trí sanh thì biết cảnh nên sanh, biết cảnh thì trí sanh mà biết. Trí sanh mà biết, biết không có cái để biết. Biết cảnh mà sanh, sanh không có cái hay sanh, sanh không có cái hay sanh thì trí bên trong mới tịch tĩnh. Biết không có cảnh bị biết, thì ngoại cảnh như như. Như như tịch tĩnh không khác nhau, thì cảnh và trí đều sáng tỏ, vạn pháp

thấy đều tiêu tan, chỉ tồn tại phần “Diệu chỉ” mà thôi.

**Kinh nói:** “Bát-nhã không biết, mà không có cái không biết”.  
Như thế thì diệu chỉ cũng không biết, không biết mà biết vậy”.

### CHƯƠNG THỨ SÁU: BÀI TỤNG ƯU TẤT XOA.

Định và loạn có sự phân biệt rõ ràng. Động và tịnh vốn không có hai. Ngu và huệ lý trái nghịch, nhưng gốc sáng tối không có gì khác. Bởi vì người mê thì theo hướng tối tăm đi ngược lại ánh sáng, như bỏ tịch tĩnh mà đi tìm cái động. Ngộ thì bỏ cái động đi tìm cái tĩnh, bỏ sự u mê ám chướng đi tìm ánh sáng. Vậy ánh sáng thì chuyển ngu thành huệ, tịnh sinh ra thì dứt loạn mà thành định. Định có là do lìa bỏ động, huệ phát sinh là do bỏ đi sự u mê ám chướng. Si mê và huệ trong lồng phiền não. Tương tịnh và ánh sáng hướng về nơi vật làm tiêu biểu. Vật thì không có ngu là do công của huệ, phiền não không có loạn chỉ do công sức nơi định [391b]. Định huệ lại giúp cho sự yên lặng sáng suốt, ngu si và não loạn thuộc tối tăm và dao động. Động có thể tịnh, loạn có thể định, tối tăm có thể sáng, ngu vẫn có huệ. Như vậy tối tăm và động tịnh không khác nhau. Tịch tĩnh và sáng suốt hợp với đạo, còn ngu si và loạn tưởng chẳng khác, định huệ do đó đồng một tông chỉ. Tông đồng này không do duyên. Định huệ thì tịch mà thường chiếu, tịch mà thường chiếu thì cả hai cùng khởi, không do duyên mà cả hai cùng mất, cùng mất thì gọi Ưu Tất Xoa, cả hai cùng khởi thì gọi Tỳ Bà (quán) Xá Ma (chỉ), do Xa Ma tha (chỉ), tuy tịch tĩnh thường chiếu, vì Tỳ Bà Xá Na (quán), tuy chiếu mà thường tịch, vì Ưu tất Xoa (thiền) chẳng phải thường chiếu chẳng phải thường tịch. Vì thường chiếu, thường tịch cho nên nói chơn đế tức tục đế, chẳng phải tịch chẳng phải chiếu biết dừng lại ở Tỳ da (pháp môn bất nhị “im lặng” trong kinh Duy ma cật)

Lại nữa còn có mười môn Tâm quán.

- 1- Nói về các pháp nhĩ.
- 2- Nêu ra “Quán thể”.
- 3- Nói về sự tương ứng.
- 4- Răn bảo tâm tăng thượng.
- 5- khuyên bảo sự lười nhác, xao lãng.
- 6- Nêu lại “Quán thể”.
- 7- Nói về việc đúng sai.
- 8- chọn lựa thuyên chỉ.
- 9- Tiếp xúc cảnh thành quán.
- 10- Khế hợp với huyền cơ.

1- *Nói về các pháp nhĩ*: Phàm tâm rộng thì được thông suốt. Nguồn động tĩnh không có hai. Chơn như dứt sự suy lường, nếu niệm lo toan thì niệm không dứt, vì thấy còn nhiều nghi ngờ, sự rốt ráo là tịch tĩnh. Nguồn chơn tâm không hình thái, nhưng xét ra có ngàn muôn sai khác, sự khác nhau không đồng, nên lập ra tên gọi pháp nhãn. Tịch tĩnh không khác nên huệ nhãn tồn tại. Cả hai lý và lượng đều mất, Phật nhãn công hạnh tròn đầy. Vì thế ba cõi chỉ một cảnh, lý pháp thân thường thanh tịnh. Tam trí mà chỉ cần nhất tâm, thì Bát-nhã chiếu soi. Cảnh và trí sâu xa được dung hợp, nên pháp giải thoát tùy cơ, chẳng dọc ngang mà giáo pháp tròn đầy thì sự lĩnh hội được huyền diệu. Cho nên biết diệu tánh của tam đức sâu xa dung hợp, vì thế tâm sâu rộng khó suy lường, thì đâu có cái gì chẳng phải là đường giải thoát. Do đó tâm tức đạo, có thể lần theo dòng mà tìm được về nguồn chơn lý vậy.

2- *Nêu ra quán thể*: Nghĩa là chỉ nhất tâm tức không mà chẳng không, chẳng không mà chẳng phải không

3- *Nói về sự tương ứng*: Tâm cùng với không tương ứng thì được khen chê, đâu có vui buồn. Thân cùng với không tương ứng, khi bị dao cắt hay xoa hương thơm, thì có gì khổ có gì vui. Y báo cùng với không tương ứng, khi được bố thí hay bị cướp đoạt, thì đâu có được mất.

Tâm cùng với không tương ứng, thì ái kiến thấy đều bỏ hết, lòng từ bi được ban khắp tất cả. Thân cùng không mà chẳng không tương ứng, thì trong lòng như cây khô, bên ngoài thì hiện tướng oai nghi [391c]. Y báo cùng không mà chẳng không tương ứng, thì vĩnh viễn dứt được sự tham cầu, đem tiền của giúp người.

Tâm cùng không mà chẳng không, chẳng không mà chẳng phải không tương ứng, thì thật tướng mới rõ ràng, được khai mở tri kiến Phật. Thân cùng không mà chẳng không, chẳng không mà chẳng phải chẳng không tương ứng, thì một trần thấy đều khởi. Y báo cùng không mà chẳng không, chẳng không mà chẳng phải chẳng không tương ứng, thì hương đài bảo cát cõi Tịnh độ trang nghiêm được hóa sanh ra.

4- *Khuyến bảo người tăng thượng mạn*:

Nếu chưa được như trên thì chưa được tương ứng.

5- *Khuyến bảo sự biếng lười xao lãng*:

Qua sông cần phải lên thuyền, không có thuyền làm sao qua sông. Vì vậy tu cần phải nhập vào chánh quán, không có thiền quán thì tâm không sáng, tâm chưa sáng làm sao tương ứng như phần trước. Suy nghĩ kỹ những điều ấy chớ có ỷ lại.

6- *Nêu lại quán thể*:

Nhất niệm tức là không bất không, phi hữu phi vô, chẳng biết tức niệm, tức không bất không, phi phi hữu vô phi phi vô.

7- *Nói về thị phi:*

Tâm không phải có, tâm không phải không. Tâm không phải phi hữu, tâm không phải phi vô. Là có là không tức rơi vào cái thị. Phi hữu, phi vô tức rơi vào cái phi. Như vậy chỉ là cái phi (sai) của thị và phi, chưa phải là cái thị (phải) của phi thị và phi phi. Nay dùng cái phi để phá trừ hai cái thị, thị phá trừ phivẫn còn là phi. Lại dùng hai cái phi để phá trừ hai cái phi, phi phá phi phi tức là thị. Như vậy, chỉ có cái thị của phi thị và phi phi, chưa hẳn là bất phi bất phi, bất thị bất thị. Cái lầm về thị phi tinh vi không rõ, phải để tinh thần sáng suốt tịch tĩnh nghiên cứu kỹ những điều ấy.

8- *Chọn lựa thuyên chỉ:*

Tìm đến chân lý thì không dùng ngôn từ, chỉ mượn văn tự để nói về ý chỉ đó. Ý nghĩa ý chỉ và tông thú không phải do quán, trong kinh nói tu về quán là để lĩnh hội tông thú. Nếu như ý nghĩa chưa rõ, thì lời nói chưa có xác thực; nếu như tông chỉ chưa lĩnh hội được thì quán chưa sâu. Quán sâu mới lĩnh hội được tông thú ấy, lời nói có xác thực thì mình mới rõ được ý chỉ. Ý chỉ và tông thú được rõ ràng để lĩnh hội, thì lời nói và quán đâu còn tồn tại nữa.

9- *Tiếp xúc cảnh thành quán:*

Diễn bày bằng ngôn ngữ là để nêu lại quán thể là muốn nói rõ về tông thú và ý chỉ không có sự khác nhau. Lời nói và quán tùy nơi thay đổi. Tuy nói thay đổi nhưng ngôn và lý không sai, thay đổi quán thì quán và ý chỉ không thay đổi. Ý chỉ không sai tức là lý, lý không sai khác tức là tông. Tông thú và ý là một nhưng hai tên gọi, mà lời nói và quán là để làm rõ sự dẫn giải ra đây.

10- *Khế hợp với huyền cơ:*

Khi hành giả tâm đã ngộ rồi, nhưng còn chấp vào quán và mê lý. Người đạt được giáo lý mà còn vướng mắc vào lời nói, mà lầm lý. Khi đã hiểu lý thì không dùng ngôn ngữ, còn gì để bàn luận, ý chỉ lĩnh hội nơi tâm nên hành cũng diệt, quán đâu có tâm suy luận, tâm ngôn không cần bàn luận, thì đâu còn gọi diệu lý khế hợp trong cõi này.

### **CHƯƠNG THỨ BẢY: THEO THỨ BẬC TAM THỪA**

Đạo vi diệu thì lý nhưt nơi danh tướng, đến chân như tịch tĩnh, siêu vượt ra bên ngoài, năng không duyên nơi từ, tùy theo căn cơ mà cảm hoá. Tôn chỉ không có hai, chỉ duyên theo căn tính để phân biệt ,thuận

theo chúng sanh là còn vọng chấp, suốt ngày nói giống như là không nói giáo điều thì nhiều đường

### **CẤP BẬC CỦA TAM THỪA:**

Phàm đạt đạo mẫu nhiệm thì vi tế sâu xa, lý bất sự biểu hiện của danh tướng. Chí chân rộng rang vắng lặng, lượng vượt ra ngoài các số, mà có thể khởi lòng từ vô vô duyên tùy cơ cảm ứng. Chỉ thú bất nhị tùy theo căn tánh để phân chia. Thuận vật quyên mình, nên làm mà không làm, suốt ngày dạy bảo mà chẳng khác gì không nói, lập giáo nhiều đường mà chẳng trái một đạo. Vì vậy, Đại thánh từ bi ứng cơ lợi vật, gom về chỗ sâu kín, thì muôn kinh chẳng khác. Hàng trung hạ quán Tứ đế, Thập nhị nhân duyên mà tự thành tiểu, bậc cao thượng tu lục độ mà thành đại.

Do đó, hàng ngu mê không thể tự hiểu, hoặc nhân nghe nói mà ngộ giải nên hiệu là Thanh văn, nhân vì chỗ tu lấy tứ đế làm bản hạnh. Quán vô thường mà sanh sợ, nghĩ không tịch mà cầu an, sợ luân hồi trong lục đạo, ghét sanh tử của tam giới. Thấy khổ thường ôm lòng chán lìa, dứt tập hần sợ nó phát sanh, chứng diệt riêng khế hợp với vô vi, tu đạo chỉ luận đến tự độ. Tâm đại thế chưa khắp, đạo niếp hoá không thực hành. Lục hòa kính rộng không, lòng thương ba cõi chẳng vận dụng, nhân trái vạn hạnh, quả thiếu viên thường, lục độ chưa tu, chẳng phải tiểu thừa là gì ? Đó là đạo Thanh văn vậy.

Hoặc có người chẳng nhân người khác nói mà tự ngộ vô thường, ngẫu nhiên duyên tán mà thể hội được chân lý, nên gọi là Duyên giác, nguyên chỗ tu tập của các Ngài lấy thập nhị nhân duyên làm bản hạnh. Quán vô minh tức mà không, đạt các hành mà vô tác. Hai nhân đã chẳng phải nghiệp thì năm quả đâu còn báo. Ai thủ hữu không còn tỳ vết thì lão tử cũng đâu còn ràng buộc, nên có thể tức thì một mình giải thoát. Ở yên chỗ vắng vẻ, yên lặng quán vạn vật biến hóa mà ngộ lý vô thường, thấy thu tàn mà vào chân đạo. Bốn oai nghi trang nghiêm, niếp tâm lự để an vui, tánh thích ở một mình, ưa nghĩ nơi rừng vắng. Chẳng ưa thuyết pháp, chỉ hiện sức thần thông để hóa độ người. Vào lúc không có Phật xuất thế, các Ngài làm ngọn lửa tiếp nối Phật đặng. Thân chỉ ưa vắng lặng, ý thích trong sạch rộng rang, ở một mình trên đỉnh núi hoang liêu, quán các duyên tan mất. Chẳng làm lợi ích khắp mọi người, tự lợi cũng chưa viên mãn. Đối với các bậc hạ thì có phần hơn, còn so với các bậc thượng thì chưa đủ, cả hai đều chẳng phải phẩm loại của các ngài, mà địa vị ở trung thừa, đây là đạo của Bích Chi Phật vậy.

Như người căn tánh vốn sáng, công đức chứ nhóm nhiều đời, học

chẳng bà thiệp mà vẫn tự sanh được sự hiểu biết. Tâm không duyên bất cứ chỗ nào mà hay lợi vật; từ bi rất lớn, chẳng bị ái kiến cấu trúc, suốt ngày cứu độ. Nhất và dị đều đồng diệu, giải và hoặc đồng nguyên, nhân và pháp đều không, cho nên gọi là Bồ tát. Nguyên vì hạnh tu của các Ngài lấy lục độ làm chánh nhân. Thực hành bố thí thì bỏ thân hết của trì giới thì kiết la (giới nhỏ) cũng không phạm; nhẫn hục thì thấu rõ vô ngã, cắt thân nào hại gì, an nhẫn sự khen chê, bát phong chẳng động; tinh tấn thì siêng năng cầu pháp, chí đạo như lửa cứu lửa cháy đầu, sự tu hành và giáo hóa người trong khoảng sát na cũng không gián đoạn; thiền na thì thân tâm yên lặng an ban vi tế, ở trong tịch định để tự nuôi thân, dùng bốn oai nghi để lợi vật; trí tuệ thì biết rõ duyên khởi tự tánh vô sanh, muôn pháp đều Như, nguồn tâm vắng lặng. Tuy phiền não không thể xả bỏ, Bồ-đề không thể nắm lấy mà có thể chẳng chứng vô vi, độ chúng sanh trong nhiều kiếp, rộng tu vạn hạnh, bình đẳng quan sát các loài, dưới đến tứ đế, thập nhị nhân duyên, trên gồm cả pháp bất cộng. Tâm đại thế trùm khắp, đạo tứ nhiếp gồm thấu, lấy ba cõi làm nhà, bốn loài sanh làm con. Vận dụng hai thứ bi trí, hai thứ phước huệ trang nghiêm siêu việt Nhị thừa, riêng ở các bậc thượng, đó là đạo Đại thừa vậy.

Vì vậy, lý nhất chân theo căn tánh mà có thứ bậc sai khác, như được sự lợi ích tùy cơ, nên nói đủ cả ba thừa. Nhưng mà chí lý hư huyền cùng tận đến chỗ vi diệu thì một chẳng còn có, hướng là nói đến ba. Ba mà chẳng ba nên nói là ba, một mà chẳng một nên nói là một. Chẳng phải ba mà một, ba còn chẳng ba thì một mà ba, một cũng đâu có một. Một chẳng một tự chẳng phải ba, ba chẳng ba tự phải một. Chẳng phải một, một chẳng phải thì ba không còn. Chẳng phải ba, ba chẳng thì một chẳng lập. Một chẳng lập vốn chẳng phải ba, ba không còn vốn không có một. Một ba vốn không, cái không này cũng không, cái không không đó không có gốc nên diệu tuyệt. Như vậy thì một đâu bị phân, ba đâu được hợp, hợp phân là từ nơi người vậy, lý nào có khác với lời ư! Ví như có ba con thú qua sông, con sông vốn một, đâu có vì ba con thú mà hợp. Lại đâu vì riêng gì con sông chẳng phải vì thú mà hợp, mà thú cũng chẳng phải do sông mà phân. Sông còn chẳng thành ba con sông, đâu được lấy sông để hợp ba con thú. Thú còn chẳng thành một con thú, há được lấy thú mà thành sông. Sông chẳng phải thú nên đâu thể ba, thú chẳng phải sông nên âu thể một. Chỉ một con sông bao cả ba con thú mà sông chưa từng ba, ba con thú qua một con sông mà thú chưa từng một. Thú chẳng một con để biết chân của chúng có ngắn dài, sông chẳng phải ba để rõ nước kia không có cạn sâu. Nước không có sau cạn

ví như pháp không có sai khác, chân có dài ngắn là dụ cho trí của mỗi bậc có sáng tối khác nhau. Như vậy, pháp vốn không có ba mà người tự có ba hạng vậy.

Nay đây điểm khởi đầu của ba thừa thì tứ đế được nêu lên trước hết. Pháp vốn đã không có sai khác, thì tứ đế thì đâu chẳng phải đại, mà nói rằng hàng Thanh văn quán nó địa vị lại ở bậc tiểu. Thế mới biết tứ đế tựa như sông, người ví như thú. Hàng Thanh văn kém nhất dụ như thỏ tuy lội qua sông mà chân không đến đáy, nên chưa có thể biết được chỗ sâu tột, địa vị các Ngài còn ở bậc thấp, đâu phải tất cả những người quán tứ đế đều thành tiểu. Như người trí chiếu cao minh, lượm bằng voi lớn thì có thể tận nguồn cùng mé, hiển nhiên thành đại, cho nên biết kẻ hạ trí quán được quả Thanh văn, người trung trí quán thì được quả Duyên giác, bậc thượng trí quán thì được quả Bồ tát. Biết tông rõ ràng lẽ nào còn toan tính ư !

Vì thế, thanh văn thấy khổ mà dứt tập, Duyên giác ngộ tập tan rã mà quán ly, Bồ tát thấy rõ nguồn chân biết tập vốn không hòa hợp. Ba người cùng quán tứ đế nhưng chứng quả có khác nhau, bởi do quán có cạn sâu, đối chiếu hẳn có cao thấp. Vì vậy hạ thừa tu bậc hạ, chưa tu điều của bậc trung và thượng. Thượng thừa tu bậc thượng mà gồm tu cả trung hạ. Bậc trung tu trung hạ, chẳng tu được bậc thượng. Thượng trung hạ do người, chẳng phải tứ đế khiến người có có đại tiểu. Nhưng ba thừa dù khác mà cùng một điểm trọng yếu là thoát khổ. Thanh văn tuy tiểu, hoặc ái kiến đã trừ nên đối với ba cõi không còn lo âu, thân phần đoạn diệt vậy. Ba minh chiếu sáng tỏ tường nên việc trong tám vạn kiếp hiện tiền, sáu thông, mặc ý vô vi nên có thể đi xuyên quavách núi. Có lúc đi đứng trên không, hoặc an nhiên ngồi nằm, đi trên nước nhẹ như lông hồng, bước trên đất như đi trên nước, công năng cứu định đầy đủ, mười tám thứ biến hóa tùy tâm. Nhưng trong ba tạng nói Phật là nhìn trên địa vị sáu căn thanh tịnh, nên có bằng có kém. Phật còn là kém, Nhị thừa khá biết. Nhìn lên đoạn và phục tuy khác, ở dưới có sự cách biệt ngộ và mê. Như vậy, Nhị thừa có lỗi gì mà chẳng muốn tu.! Đức Như Lai vì đối với hàng đại căn muốn dẫn họ về bảo sở, khiến tu chủng trí đồng kế hợp với chữ y viên mãn, đương thời hoặc có khen hay chê, đề cao hay hạ thấp. Hàng phàm phu chẳng biết, rồi lại sợ bị quở, nhưng họ đâu biết mình ái kiến hầy còn, nên còn cách hàng Nhị thừa xa lắm. Tuy cũng nói đến tu đạo nhưng các hoặc sử chưa bỏ, chẳng những thân và miệng chưa đoạn chánh cũng là do tâm siểm khúc. Kiến sanh từ nơi ý nên giải trái với chân thuyên, chẳng y theo Thánh giáo, chưa từng học

hỏi bậc minh sư. Căn duyên chẳng phải chỉ huân tập từ đời trước, kiến giải chưa dựa vào hàng sanh tri, mà có khả năng thế trí biện thông đàm luận suốt ngày, có lúc ấy lời trong kinh bể cong theo cái hiểu của mình, luông tuông nói bậy để dối kẻ ngu, bài bác nhân quả tội phước. Thuận tình thỏa thích sanh yêu, nghịch ý bực bội ôm giận, hình trạng của ba thọ còn nguyên mà tự xưng địa vị đồng hàng Bồ tát. Các lỗi đã trình bày ở chương đầu chưa dứt thì chúng hãy còn trói buộc người. Pháp đại thừa chưa tu mà dám chê bậc tiểu học, nói cho sướng mồm một lúc, cái họa chê bai đành rành, ba đường khổ luân chịu báo nhiều kiếp. Ôi! Thật đáng thương thay ! Nói đến lòng thêm chua xót.

Nhưng mà người đạt tánh đối cảnh, cảnh càng thêm soi chiếu, bậc quyền tâm cùng với điều thiện chẳng có bận lòng, hướng chi lỗi lầm sai quấy của ba nghiệp đâu để trong tâm một điểm trần. Vì vậy bậc đã soi thấy đạo huyền thì ba thọ (khổ thọ, lạc thọ, xả thọ) đã sạch ở nguồn tâm, hàng tẩy uế đã tẩy trừ, bả chi của thân miệng. Đối với loài vô tình thì không phạm hạt bụi chiếc lá, đối với loài hữu thức thì không phiền đến bọ đến sâu, khe sâu chưa đủ trong để sánh với các Ngài, tuyết bay chẳng đủ sạch để so với các bậc ấy. Mến đức như chim tung cánh muốn bay cao tột đến trăng sao, bỏ ác như cá sợ câu lặn sâu đến tận đáy sông biển. Ánh sáng huyền diệu của mặt trời cũng hổ với sự chiếu xa của trí, thượng thặng cùng ba cõi duyên tiêu. Cảnh trí hợp để rộng không tròn đầy, định tuệ quân bình để ngang nhau một cách mâu nhiệm. Ruộng dâu dầu đổi nhưng tâm vẫn không dời, núi biển có dời nhưng chì vẫn không đổi, mà có thể ở chỗ huyền não ngưng thần soi chiếu, nguồn tâm sáng sạch tuệ giải vô cùng. Quán pháp tánh để được chân như, xem lời Phật để y theo liễu nghĩa. Như vậy, trong nhất niệm pháp môn nào chẳng đủ. Bằng như người diệu tuệ chưa bày, tâm không chuẩn đích, giải chẳng hợp lý, hạnh thiếu siêu trần, trái pháp tánh mà thuận phàm tình, bỏ viên thuyên mà chấp quyền thuyết. Thế nên theo thứ lớp tùy cơ, đối căn mà lập giáo.

Chương này chỉ nói đến giềng mối, còn những chi tiết khác bỏ qua chưa bàn đến. Đường lối tông môn có cạn có sâu, nay chỉ nói sơ lược về chỉ thú của nó, cái học của ba thừa có ảnh hưởng là cho biết được phần vị của nó vậy.

### **CHƯƠNG THỨ TÁM: SỰ LÝ KHÔNG HAI**

Phàm diệu ngộ thông đường thì núi sông chẳng lấp, mê danh trệ tướng thì mây lông cũng thành cách ngăn. Nhưng bốn nguyên của vạn

pháp từ nơi thật tướng mà ra, trần sa hoặc đến nguồn là chân tông. Cho nên vạn tượng không bờ, Bát-nhã không bến, vì pháp tánh ấy vốn chân, liễu đạt thành trí. Ví như người biết đường thì muôn dặm có thể đến nơi. Như người chạm vật, thông ngòi thì suốt ngày bị giam trong giới hạn, vì họ chẳng biết vật có cái bờ vô hình, ngòi có cái mé rộng không cùng tột. Vì vậy học trung đạo mới hy vọng được thật tướng, như người chấp hữu trệ vô thì rốt cuộc quy về biên kiến, vì họ chẳng biết cái tướng có, có chẳng phải có, cái thật không có, chẳng phải không. Nay đây sắc tướng lăng xăng, xét đến cùng thì nó chẳng phải tướng, âm thanh gầm thét xem cho kỹ thì không tiếng. Mê thì nói có hình có tiếng, ngộ thì biết vắng lặng. Như vậy thì chân đế chẳng trái với sự lý, tức thể của sự lý vốn là chân, diệu trí chẳng khác với liễu tri, tức tánh của liễu tri vốn là rí. Nhưng mà diệu chỉ bật lời nhờ văn ngôn thuyên chỉ, chân tông chẳng phải tướng, mượn danh tướng để nêu tông. Như voi chẳng phải là núi tuyết mà mượn núi tuyết để ví cho voi. Đây là lấy cái có thể so ánh với nó, lẽ nào cho rằng núi tuyết là voi sao.

Nay đây pháp chẳng phải thường mà chấp là hữu, nên nhờ phi hữu để phá thường. Tánh chẳng phải đoạn mà chấp là vô, nên dùng phi vô để phá đoạn. Cũng như sạch sẽ chẳng phải là nước tro mà nhờ nước tro nên rửa sạch. Đây là lấy cái công năng hay rửa, lẽ nào lấy nước tro mà làm sạch sao? Do đó biết trung đạo chẳng thiên, nhờ nhị biên mà biện chánh, đoạn thường chẳng phải dựa vào vô và hữu để rõ chỗ sai. Hoặc hữu hoặc vô nói đã sai, chẳng phải hữu chẳng phải vô cũng đâu là phải. Tin biết người diệu đạt nguồn huyền chẳng phải hạn thường tình có thể lường được. Vì sao? Phạm vọng chẳng phải do ngu sanh ra, chân chẳng phải do trí được, đạt vọng gọi là chân, mê chân gọi là vọng, lẽ nào vọng tùy theo ngu mà mất, chân theo trí trở về, chân vọng chẳng sai, ngu trí tự khác. Hễ muốn thấu tỏ huyền tông trước tiên cần phải xét kỹ về ngu trí phải khéo rõ biết về chân vọng. Nếu muốn rõ biết về chân vọng lại cần phải nghiên cứu đến danh thể, danh thể nếu phân thì chân vọng tự biện. Chân vọng đã biện thì ngu trí rõ ràng. Vì vậy kẻ ngu không có khả năng liễu trí, người trí có thật chất đạt ngu. Nên biết chẳng thì không do đâu để rõ chân vọng, chẳng phải trí thì đâu thể phân biệt danh thể. Vì sao? Hoặc có danh mà không thể, hoặc nhân thể mà lập danh, danh thể xen lẫn thật khó nghiên cứu đến cùng được. Thế nên, thể chẳng phải danh thì chẳng biện, danh chẳng phải thể thì chẳng lập. Nói thể cần phải nhờ đến danh, nói danh cần phải dựa vào thể.

Nay đây ngoài thể lập danh, đó chỉ là danh mà không có thể, lẽ

nào lại thích ứng với danh saao ? Ví như không có sừng mà đặt ra danh từ sừng thỏ, đây là có tên gọi mà thật không sừng, lẽ nào có sừng để thích ứng với tên sao ? không có tên mà lập danh thì danh không thật danh, danh không thật danh thì cái được gọi tên là không vậy. Cái được gọi tên là không vậy. Cái được gọi tên đã không thì cái hay gọi cũng không. Vì sao ? Vì đặt danh để gọi cái thể của nó, không có thể thì lấy gì để thích ứng với danh. Nói thể là thể cốt để thích ứng với danh, không danh lấy gì để thích ứng với danh, không danh lấy gì để thích ứng với thể, thể không thích ứng thì không phải thể, danh không danh thì chẳng phải danh. Vậy thì đâu riêng gì thể mới nguyên hư mà danh cũng là bản tịch, nhưng mà không có thể thích ứng với danh nguyên do như thế. Danh thể thích ứng thì gọi là gì?

Thể thì không tự có danh, mượn cái danh khác để gọi ngã thể, danh chẳng phải tự thành lập mà nhờ cái thể khác để đặt ngã danh. Nếu thể chưa có hình thì danh đâu được gọi. Nếu danh chưa lập thì thể đâu được rõ. Nhưng rõ được thể tuy nhờ danh, chẳng phải vì không có danh mà không có thể. Lập danh vốn cần phải do thể, không thể thì danh đó vốn không. Như vậy thể không phải do danh sanh ra mà danh sanh ra ở nơi thể vậy. Nay đây thể ở trước danh, danh theo sau thể để phân biệt. Nhế thì lập danh để gọi tên cái thể, cho nên biết thể là nguồn của danh thì nguyên do của danh là duyên khởi từ nơi thể, vậy mỗi của thể y cứ vào đâu.

Thể không có hình dạng của ngã, nhờ duyên hội hợp mà thành thể. Duyên chẳng phải từ ngã hội, nhân hội thể mà thành duyên. Nếu thể chưa có hình thì hội ở chỗ nào ? Nếu duyên chưa hội thì thể thành hình ở nơi đâu ? Thể thành hình là duyên hội để thành hình, duyên hội là thể thành hình để mà hội. Thể thành hình mà hội thì rõ hình không riêng hội, hình không riêng hội thì hội vốn không vậy. Duyên hội mà thành hình thì biết hội không có riêng hình, hội không có riêng hình thì hình vốn không vậy. Do đó, vạn pháp từ duyên sanh không tự thể. Không tự thể nên gọi là tánh không. Tánh đã không tuy duyên hội mà chẳng phải có, duyên đã hội tuy tánh không mà chẳng phải không. Vì vậy, có của duyên hội, có chẳng phải có. Không của tánh không, không mà chẳng phải không. Vì sao ? Hội tức tánh không, nên nói chẳng phải có; không tức duyên hội nên gọi chẳng phải không. Y nói chẳng phải có chẳng phải không, chẳng phải ngoài cái có riêng có một cái không, cũng chẳng phải lìa cái không riêng có một cái có. Như vậy thì rõ pháp chẳng phải có không, nên lấy tên là chẳng phải có chẳng phải không.

Chẳng những chẳng phải có chẳng phải không, đã chẳng phải có không, lại chẳng phải chẳng có không chẳng phải chẳng không. Như vậy đâu-riêng gì đường ngôn ngữ dứt mà cũng là chỗ tâm hành diệt vậy.

### CHƯƠNG THỨ CHÍN: THƯ KHUYÊN BẠN HỮU

Thư mời Đại sư về núi Thiên sư Huyền Lăng ở núi Tú Khê, huyện Phổ Dương, Vụ Châu.

Từ buổi đến Linh Khê, tâm ý thanh thoi, thường chống gậy rong chơi trên đỉnh non cao thấp, phủi sạch thất đá hang núi ngòi yên. Trông ra muôn dặm từng xanh hồ biếc, trắng sáng tự sanh gió đùa mây trắng. Hoa đẹp cỏ thơm chim rừng tha ngậm, xa gần đều nghe vượn hú từng hồi, lấy cốc gối đầu, cỏ êm làm nệm. Đường đời lao xao tranh giành nhân ngã, tâm địa chưa đạt nên mới như thế. Như có thời gian mong được gặp nhau.

Thư đáp của đại sư Huyền Giác

Từ lúc từ biệt đến nay đã mấy năm trường, trong lòng đau đáu nhớ nhung, bỗng nhận được thư của bạn thật thỏa lòng mong đợi. Sao lá thư chẳng thấy nói đến đạo thể như thế nào, nhưng pháp vị nuôi dưỡng tinh thần cho nên chắc được tịnh lạc.

Huyền giác tôi từ lâu khâm phục đức âm, chẳng phải dùng lời có thể thuật được. Gìn lòng tiết tháo, một mình ở nơi vắng vẻ bật dấu con người, ẩn mình rong hang núi, bạn thân không tới lui, chỉ có chim thú qua lại. Suốt đêm miên miên, cả ngày yên lặng, thấy nghe đều dứt, tâm thật vắng lặng. Một mình trên đỉnh núi, ở dưới cội cây, lánh sự đông đúc, hưởng thức ăn đạo, thật hợp với bạn.

Nhưng mà chánh đạo tịch liêu, tuy có tu mà khó hội. Bọn tà huyền não không tập mà dễ thân. Nếu chưa phải bậc giải khế huyền tông, hạnh hợp với chân thú thì chưa nên ở nơi vắng vẻ, ôm ấp sự vụng về suốt một đời mình. Phải nên rộng hỏi bậc tiên tri, thành khẩn khâm phục chấp tay quỳ gối, chỉnh ý đoan dung, ngày đêm quên nhọc, trước sau hết lòng ngưỡng mộ, khắc phục thân miệng, trừ sạch biếng lười cống cao, chẳng quản hình hài, chuyên tinh chí đạo, mới có thể gọi là lóng thần nơi vuông tắc (tâm). Phàm muốn đạt lý diệu huyền chẳng phải là dễ, kể đến quyết trạch như đi trên băng mỏng, cần phải nghiêng tai mà vâng theo huyền chỉ. Thu thúc tình trần để thưởng thức chỗ thấu đáo sâu xa, quên lời mà vui với yếu chỉ, rửa sạch lụy phiền để ăn vị đạo mầu, đêm lo lắng ngày hỏi han chẳng lạm tóc tơ, được như thế mới có thể dấu mình trong hang núi, lặng lòng lo toan không tiếp xúc với mọi người. Hoặc có người tâm

chưa thông thấy vật thành ra bị ngăn ngại, muốn tránh nơi huyền não, cầu chỗ yên lặng thì suốt cả đời cũng chưa được yên. Huống hồ rừng xanh bát ngát núi đá chập chùng, thú gầm chim hót, tùng trúc um tùm, đá nước chênh vênh, ngọn gió rung cây, bìm sần vương vấn, mây mù hòa hợp, vạn vật héo tàn tươi tốt theo tiết trời, sớm chiều bị những thứ ấy làm hoa mắt, lẽ nào chẳng phải là huyền não rộn ràng sao ? Cho nên biết kiến hoặc còn vấn thì chạm vào đâu cũng vương mắc. Do đó, trước cần phải biết đạo rồi sau mới ở núi. Nếu người chưa biết đạo mà ở núi trước thì chỉ thấy núi ất quên đạo. Nếu người chưa ở núi mà trước đã biết đạo thì chỉ thấy đạo quên núi. Quên núi thì đạo tánh làm vui vẻ tinh thần, quên đạo thì bị núi non làm hoa mắt. Do đó, người thấy đạo quên núi ở chốn dân gian vẫn lặng, người thấy núi quên đạo ở trong núi vẫn thấy ồn ào. Cần phải rõ ấm vô ngã, vô ngã thì ai ở nhân gian ? Nếu biết ấm nhập (năm ấm, 12 nhập) như hư không thì xóm làng sẽ hoang vắng có khác gì hang núi. Như người ba độc chưa bỏ, sáu trần còn nhiều loạn, thân tâm tự mâu thuẫn thì có gì quan hệ đến sự huyền não hay yên lặng của nhân gian hay hang núi đâu !

Vả lại, đạo tánh chan hòa cùng khắp như hư không, vạn vật vốn chẳng hệ lụy, lòng chân từ bình đẳng thì thanh sắc nào chẳng phải đạo ư ? Do vì kiến đảo hoặc sanh bèn thành luân chuyển vậy. Nếu như biết rõ cảnh chẳng phải có thì trước mắt không gì chẳng phải đạo tràng. Biết rõ vốn không, do đó chẳng duyên mà chiếu, viên dung pháp giới giải và hoặc nào khác, lấy hàm linh để biện lòng bi, dứt tướng niệm để mà rõ trí. Trí sanh thì pháp sẽ viên chiếu, lia cảnh lấy gì quán bi? Bi trí lý hợp nhau gồm thân, trái chúng sanh thì lấy gì làm năng độ? Lòng bi rộng lớn độ hết chúng sanh, chiếu tột cùng cảnh để trí viên mãn. Trí viên mãn thì lặng yên hay huyền não thì đồng như nhau, lòng bi rộng lớn thì oán hay thân đều cứu. Như vậy, đâu cần ở lâu trong hang núi mà theo chỗ tùy duyên. Huống chi pháp pháp rỗng rang dung hợp, tâm tâm tịch diệt vốn chẳng tự có, ai gượng gọi là không thì có sự huyền não gì đáng gọi là huyền não, có sự yên lặng nào đáng gọi là yên lặng. Nếu biết vật và ngã hợp nhất thì kia đây chẳng gì không phải là đạo tràng, đâu còn thuận theo sự huyền não củ nhân gian hay nhàn rỗi ở nơi hang núi. Do đó, bỏ động cầu tịnh là gông ghét cùm yêu, lia oán cầu thân là cũi chán lồng ưa. Nếu có thể ở nơi huyền não thì chợ búa không đâu chẳng phải là chỗ ngồi yên. cầu chỉ lỗi lầm, nhận lãnh lời dạy, oan trái do từ thiện hữu. Như vậy, cướp đoạt hay hủy nhục đau từng chẳng phải ổn sự ta, kêu la huyền não không có gì đáng phải tịch diệt. Cho nên biết diệu

đạo không có hình mà vạn tượng chẳng trái với nó; chân như tịch diệt, các âm vang chẳng khác với tiếng. Mê thì kiến đảo hoặc sanh, ngộ thì không có trái thuận. Vắng lặng chẳng phải có, duyên hội thì sanh, núi Nga Nghi (ngọn núi Cửu Nghi) chẳng phải khôn, do duyên tan mà có thể diệt, lấy gì để diệt cái diệt; sanh đã chẳng phải sanh, lấy gì để sanh cái sanh. Sanh diệt đã không thì thật tướng thường trụ. Vì vậy, nước định mệnh mệnh môn niệm trần mà chẳng tẩy sạch, đèn trí sáng ngời hoặc nào không bị trừ khử. Trái đó thì nẻo tuần hoàn, hội đó thì ba đường ra khỏi. Như vậy, sao chẳng đi thuyền tuệ rong chơi trên biển pháp, mà lại muốn đi xe gãy trục vào hang núi ư! Cho nên biết vật loại lằng xằng, nhưng tánh chúng tự là một, nguồn linh tính lặng chẳng chiếu lại biết! Thật tướng thiên chân, linh tri chẳng phải tạo, đối với người mê thì gọi là mất, đối với người ngộ thì gọi là được. Được mất tại người đâu có quan hệ gì đến động tịnh, ví như người chưa biết đi thuyền mà muốn oán ghét dòng nước quanh co kia. Nếu có thể khéo biết huyền tông, tâm rộng rang thâm khế hợp, động tịnh nói nín luôn là quy củ, lặng lẽ có chỗ quy về, điềm nhiên không gián cách. Như vậy, mới có thể tiêu dao nơi hang núi, phóng khoáng chốn thôn trang, thông thả hình nghi, vắng lặng tâm phủ, điềm đạm bên trong, thâm trầm bên ngoài. Với thân thì như bị câu thúc mà tâm thì tự tại thông dong, hiện hình dung chốn hoàng vũ, giấu u linh nơi pháp giới. Như vậy thì ứng cơ có cảm, thích nghi, không tiêu chuẩn nhất định. Thư viết sơ lược, ngoài ra làm sao trình bày cho hết được, nếu chẳng phải bạn đồng chí, đâu dám xúc phạm, lúc rảnh rỗi ngồi yên xin tạm suy nghĩ. Nếu tôi nói đối hay sai xem xong rồi đốt.

### CHƯƠNG THỨ MƯỜI: VĂN PHÁT NGUYỆN

*Cúi lạy bậc viên mãn giác tri.  
Tịch tịnh bình đẳng bản chân nguyên.  
Tướng tốt trang nghiêm phi hữu vô.  
Tuệ sáng soi khắp vi trần sát.  
Cúi lạy trạm nhiên chân diệu giác.  
Mười hai phần giáo rất sâu xa.  
Phi văn, phi tự, phi ngôn thuyên.  
Một âm tùy loại đều hiểu rõ.  
Cúi lạy thanh tịnh chư hiền thánh.  
Mười phương hòa hợp thật chân tăng.  
Giữ gìn giới cấm không trái phạm.  
Cầm tích ôm bình lợi hàm linh.*

*Noãn sanh, thai sanh, thấp hoá sanh.  
 Hữu sắc, vô sắc, tướng, phi tướng.  
 Phi hữu phi vô tướng, tạp loại.  
 Sáu nẻo luân hồi chẳng tạm dừng.  
 Nay con đành lễ quy y Tam bảo.  
 Vì khắp chúng sanh phát đạo tâm.  
 Quân sanh trâm luân trong biển khổ.  
 Nguyên nhờ từ lực Phật Pháp Tăng.  
 Từ bi phương tiện trừ các khổ.  
 Chẳng bỏ nguyện rộng cứu hàm thức.  
 Hóa lực tự tại độ vô cùng.  
 Hằng sa chúng sanh thành chánh giác.*

Nói kệ xong, con đành lễ quy y trước mười phương ba đời tất cả chư Phật Pháp Tăng, cho con được nương nhờ sức tam bảo, chí tâm phát nguyện tu Vô thượng Bồ-đề, kể từ nay cho đến khi thành chánh giác, khoảng giữa quyết định cần cầu không hề lui sụt. Khi chưa đắc đạo, thân không tật bệnh, thọ không yếu mạng, đến lúc lâm chung chẳng thấy tướng ác, không sợ lo sợ, chẳng sanh điên đảo, thân không đau khổ, tâm chẳng tán loạn, chánh tuệ tỏ tường, chẳng qua trung ám, chẳng vào địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, thủy lục không hành, thiên ma ngoại đạo, u minh quỷ thần, các thứ tạp hình thủy đều chẳng thọ. Thường được thân người thông minh chánh trực, không sanh vào nước ác, chẳng gặp vua dữ, chẳng sanh biên địa, chẳng bị nghèo khổ, tội trai tứ gái, thân hình người nữ, huỳnh môn hai căn, tóc vàng răng đen, ngu si tâm tối, xấu xí tật nguyên, đui mù câm điếc, hễ là các điều đáng chán thấy đều chẳng sanh. Sanh ở trung quốc, trong nhà chánh tín, thường được thân nam, sáu căn đầy đủ, đoan chánh thơm tho, không các dơ uest, ý chí hòa nhã, thân tâm an tịnh, không tham sân si, ba độc dứt hẳn, chẳng tạo điều ác, hằng nghĩ việc lành. Chẳng làm vương thần, không làm sứ giả, không nguyện giàu sang, sống an cảnh nghèo, ít muốn biết đủ, chẳng tham cất chứa, cơm áo nuôi thân, chẳng trộm của người, chẳng giết chúng sanh, chẳng ăn thịt cá, yêu kính hàm thức như mình không khác. Tánh hạnh dịu dàng, chẳng vạch lỗi người, chẳng ca ngợi mình, chẳng tranh cùng người, oán thân bình đẳng, chẳng khởi phân biệt, chẳng sanh yêu ghét, chẳng muốn của người, của mình chẳng tiếc, chẳng thích xâm phạm, lòng luôn ngay thẳng, tâm không hung bạo, thường ưa nhún nhường, miệng không nói ác, tâm không dua dối, ba nghiệp trong sạch, ở chỗ an ổn, không ác chướng nạn. Trộm cắp giặc cướp, pháp vua tù ngục,

gông cùm xiềng xích, đao thương tên giáo, thú dữ độc trùng, té núi té sông, lửa cháy gió cuốn, sấm sét hãi hùng, cây gãy núi lở, rui mục nhà sập, giặc giả đáng sợ, đến gần vây quanh, bắt bố trói buộc, vu oan hủ báng, ngang ngược câu thúc, phàm các tai nạn thủy đều chẳng thọ. Ác quỷ tai bay, thiên hành độc lệ, tà ma vọng lượng ở biển ở sông, non cao núi lớn, các thần ở cây có linh thiên hoặc nghe tên tôi hoặc thấy hình tôi phát tâm Bồ-đề, che chở cho nhau, chẳng não hại nhau, ngày đêm an ổn, không sợ kinh sợ. Bốn đại mạnh khỏe, sáu căn thanh tịnh, chẳng nhiễm sáu trần, tâm không loạn tưởng cũng không hôn trầm, chẳng sanh đoạn kiến, chẳng chấp có không, xa lìa các tướng, phụng thờ đức Phật, chẳng theo kiến chấp, giải ngộ rõ ràng, đời đời tu tập, chánh tuệ kiên cố, chẳng bị ma hiệp. Đến lúc mạng chung an nhiên vui sướng, bỏ thân thọ thân, không có oán đối, tất cả chúng sanh đồng làm bạn tốt. Sanh ra chỗ nào gặp Phật nghe Pháp, ấu niên xuất gia, làm tăng hòa hợp, thân luôn mặc áo cà sa, thường ăn thứ đựng trong bát, đạo tâm kiên cố, chẳng sanh kiêu mạn. Kính trọng Tam bảo, thường tu phạm hạnh, gần gũi minh sư, theo thiện tri thức, tin sâu chánh pháp, siêng hành lục độ, đọc tụng đại thừa, hành đạo lễ bái. Hoa thơm cỏ ngọt, âm thanh tán tụng, đèn đuốc đèn đài, non biển suối rừng, trên không dưới đất của thế gian này từ hạt bụi nhỏ đều đem cúng dường, gom góp công đức hồi hướng Bồ-đề. Suy tư liễu nghĩa, chỉ ưa nhàn tịnh, thanh tịnh lặng yên, chẳng thích huyên náo, chẳng ưa chỗ đông thường sống một mình, tất cả không cầu, chuyên tâm định tuệ, sáu thông đầy đủ, hóa độ chúng sanh tùy theo ý nguyện tự tại vô quái ngại, vạn hạnh thành tựu tinh diệu vô cùng, chánh trực viên minh, chí thành Phật đạo.

Nguyện đem thiện căn này chan rải khắp mười phương, trên tột hữu đánh, dưới đến phong luân, trên trời trong người, thân trong sáu đường của tất cả hàm thức, tôi có công đức nào nguyện thí cho tất cả chúng sanh, tận vi trần kiếp chẳng bỏ một chúng sanh nào, tôi có bao nhiêu thiện căn đều xông ướp tất cả. Khổ não trong địa ngục, nam mô Phật Pháp Tăng, xưng danh Phật Pháp Tăng, nguyện đều được giải thoát. Khổ não trong ngạ quỷ, nam mô Phật Pháp Tăng, xưng danh Phật Pháp Tăng, nguyện đều được giải thoát. Khổ não trong súc sanh, xưng danh Phật Pháp Tăng, nguyện đều được giải thoát. Thiên nhân A tu-la hằng hà sa loài hàm thức, tám khổ thường thiêu đốt, nam mô Phật Pháp Tăng, do thiện căn của tôi đều thoát khỏi ràng buộc.

*Nam mô tam thế Phật.*

*Nam mô Tu-đa-la.*

Bố tát, Thanh văn tăng. Thánh chúng như  
vi trần. Chẳng bỏ lòng từ bi.  
Nhiếp thọ loài quần sanh. Hàm thức khắp  
hư không. Quy y Phật Pháp Tăng.  
Lià thoát khổ tam đồ. Mau được siêu tam  
giới. Đều phát tâm Bồ-đề.  
Ngày đêm hành Bát-nhã. Đời đời siêng  
tinh tấn.  
Như cứu lửa cháy đầu. Lúc đắc đạo Bồ-  
đề.  
Thệ nguyện độ tất cả. Tôi hành đạo lễ  
bái.  
Tôi tụng kinh niệm Phật. Tôi tu giới định  
tuệ.  
Nam mô Phật Pháp Tăng. Nguyện khắp các  
chúng sanh. Thấy đều thành Phật đạo.  
Tôi cùng các hàm thức. Kiên cố cầu Bồ-  
đề.  
Đảnh lễ Phật Pháp Tăng. Nguyện sớm thành  
chánh giác.